

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 50/2015/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản;

Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 33/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý hoạt động khai thác thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam trên các vùng biển;

Căn cứ Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản và Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản,

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định trình tự, thủ tục, nội dung xác nhận nguyên liệu, chứng nhận và xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ thủy sản khai thác để xuất khẩu vào thị trường có yêu cầu chứng nhận.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân khai thác, thu mua, chế biến, xuất khẩu và nhập khẩu thủy sản khai thác để chế biến xuất khẩu vào thị trường có yêu cầu chứng nhận thủy sản khai thác.

2. Thông tư này không áp dụng đối với thủy sản khai thác và sản phẩm thủy sản trong danh mục quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác: là việc xác nhận của cơ quan thẩm quyền đối với nguyên liệu thủy sản khai thác không vi phạm các quy định về khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

2. Chứng nhận thủy sản khai thác: là việc chứng nhận của cơ quan thẩm quyền đối với lô hàng xuất khẩu được chế biến từ nguyên liệu thủy sản khai thác không vi phạm các quy định về khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

3. Xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ thủy sản khai thác: là việc xác nhận của cơ quan thẩm quyền đối với lô hàng được chế biến từ thủy sản khai thác nhập khẩu không vi phạm các quy định về khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

4. Vùng khai thác: là vùng biển mà tàu cá tiến hành khai thác thủy sản trong thời gian của một chuyến biển.

5. Thời gian khai thác: là khoảng thời gian tính từ ngày tàu cá bắt đầu thả ngư cụ để khai thác đến ngày tàu cá kết thúc thu ngư cụ (tính cho mỗi chuyến biển).

6. Lô hàng chứng nhận: là lô hàng được cơ quan thẩm quyền chứng nhận để xuất khẩu vào thị trường có yêu cầu chứng nhận thủy sản khai thác.

7. Chuyển tải trên biển: là việc chuyển một phần hoặc toàn bộ thủy sản khai thác từ một tàu cá sang một tàu cá khác.

8. Chủ hàng: là chủ lô hàng thủy sản đề nghị được chứng nhận thủy sản khai thác, xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác, xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ thủy sản khai thác để xuất khẩu vào thị trường có yêu cầu chứng nhận thủy sản khai thác.

9. Cơ quan thẩm quyền: là Chi cục Thủy sản, Trung tâm Chất lượng Nông lâm thủy sản vùng.

Điều 4. Các hoạt động khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định

Khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (sau đây gọi tắt là khai thác bất hợp pháp) là một trong các trường hợp sau:

1. Khai thác thủy sản mà không có giấy phép khai thác thủy sản hoặc khai thác không đúng nội dung quy định trong giấy phép khai thác thủy sản.
2. Không ghi, nộp nhật ký hoặc báo cáo khai thác thủy sản theo quy định.
3. Khai thác trong vùng cấm khai thác, trong thời gian cấm khai thác; khai thác, vận chuyển hoặc đưa lên tàu các loài thủy sản cấm khai thác; khai thác các loài có kích thước nhỏ hơn quy định vượt quá tỷ lệ cho phép.
4. Sử dụng loại nghề, ngư cụ khai thác bị cấm hoặc không đúng quy định.
5. Che giấu, giả mạo hoặc hủy chứng cứ vi phạm các quy định liên quan đến khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
6. Ngăn cản, chống đối việc thực hiện kiểm tra, giám sát sự tuân thủ đối với các quy định về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản của cán bộ được giao thực hiện nhiệm vụ.
7. Chuyển tải trên biển, hỗ trợ, tiếp ứng, tham gia hoạt động khai thác cùng với tàu cá khai thác bất hợp pháp.
8. Khai thác trong vùng biển thuộc quyền quản lý của tổ chức quản lý nghề cá khu vực và quốc gia khác mà không có giấy phép khai thác hợp lệ.

Điều 5. Cơ quan thẩm quyền xác nhận, chứng nhận

1. Chi cục Thủy sản quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này thực hiện việc kiểm tra, xác nhận nguyên liệu; chứng nhận thủy sản khai thác và kiểm tra hoạt động khai thác bất hợp pháp.
2. Trung tâm Chất lượng Nông lâm thủy sản vùng quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này thực hiện kiểm tra, xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu.

Chương II **THỦ TỤC XÁC NHẬN, CHỨNG NHẬN** **THỦY SẢN KHAI THÁC**

Điều 6. Xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác

1. Chủ hàng có nhu cầu xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác nộp 02 (hai) Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác (theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này) trực tiếp hoặc theo đường bưu điện đến cơ quan thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này nơi chủ hàng đã mua nguyên liệu.
2. Trong thời gian không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác, cơ quan thẩm quyền kiểm tra tính xác thực của thông tin đã khai trong Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác và thực hiện:

a) Xác nhận khi lô hàng có nội dung đúng với kê khai trong Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác và trả 01 (một) bản cho chủ hàng xuất khẩu, 01 (một) bản lưu tại cơ quan thẩm quyền;

b) Không xác nhận khi lô hàng có nội dung không đúng với kê khai trong Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác hoặc sử dụng nguyên liệu từ tàu cá nằm trong danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp. Trường hợp không xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác phải có văn bản trả lời chủ hàng và nêu rõ lý do.

3. Cơ quan thẩm quyền trả kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho chủ hàng.

Điều 7. Chứng nhận thủy sản khai thác

1. Chủ hàng có nhu cầu chứng nhận thủy sản khai thác nộp 02 (hai) bộ hồ sơ đến một trong các cơ quan thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này nơi đã xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trực tiếp hoặc theo đường bưu điện để đề nghị chứng nhận thủy sản khai thác.

2. Hồ sơ đề nghị chứng nhận thủy sản khai thác gồm:

a) Mẫu Giấy chứng nhận thủy sản khai thác (theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này) hoặc mẫu Giấy chứng nhận khác theo yêu cầu của Cơ quan thẩm quyền nơi nhập khẩu. Trường hợp lô hàng sử dụng nguyên liệu từ nhiều hơn 01 (một) tàu hoặc trường hợp nguyên liệu mua từ 01 (một) tàu nhưng được chế biến thành nhiều lô hàng thì phải kèm theo các thông tin bổ sung quy định tại Phụ đính Va thuộc Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản kê khai Phụ đính Thông tin vận tải (theo mẫu quy định tại Phụ đính Vb thuộc Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này);

c) Bản sao chụp Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác.

3. Trong thời gian không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của chủ hàng, cơ quan thẩm quyền xem xét hồ sơ, kiểm tra thông tin trong Giấy chứng nhận thủy sản khai thác và thực hiện:

a) Chứng nhận khi lô hàng có nội dung đúng với kê khai trong Giấy chứng nhận thủy sản khai thác và trả 01 (một) bộ hồ sơ cho chủ hàng, 01 (một) bộ lưu tại cơ quan thẩm quyền;

b) Không chứng nhận khi lô hàng có nội dung không đúng với kê khai trong hồ sơ hoặc sử dụng nguyên liệu từ tàu cá nằm trong danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp. Trường hợp không chứng nhận phải có văn bản trả lời chủ hàng và nêu rõ lý do.

4. Cơ quan thẩm quyền trả kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho chủ hàng.

Điều 8. Chứng nhận lại thủy sản khai thác

1. Cơ quan thẩm quyền chỉ chứng nhận lại khi Giấy chứng nhận thủy sản khai thác bị rách, nát không còn nguyên vẹn.

2. Chủ hàng có nhu cầu chứng nhận lại thủy sản khai thác nộp 02 (hai) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc theo đường bưu điện đến cơ quan thẩm quyền đã chứng nhận thủy sản khai thác quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này để đề nghị chứng nhận lại.

3. Hồ sơ đề nghị chứng nhận lại thủy sản khai thác gồm:

a) Đơn đề nghị chứng nhận lại thủy sản khai thác (theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Mẫu Giấy chứng nhận thủy sản khai thác (theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này) hoặc mẫu Giấy chứng nhận khác theo yêu cầu của Cơ quan thẩm quyền nơi nhập khẩu;

c) Giấy chứng nhận bị rách, nát không còn nguyên vẹn.

4. Trình tự thực hiện theo khoản 3 Điều 7 Thông tư này.

5. Cơ quan thẩm quyền khi cấp Giấy chứng nhận mới phải có số trùng với số của Giấy chứng nhận đã cấp và phải thể hiện dấu hiệu nhận biết của Giấy chứng nhận cấp lại (theo quy định tại mục 1.2 Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này).

6. Cơ quan thẩm quyền trả kết quả trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho chủ hàng.

Điều 9. Xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu

1. Chủ hàng có nhu cầu xuất khẩu lô hàng được sản xuất từ thủy sản khai thác nhập khẩu nộp 02 (hai) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc theo đường bưu điện đến cơ quan thẩm quyền (quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này) để đề nghị xác nhận.

2. Hồ sơ đề nghị xác nhận gồm:

a) Giấy chứng nhận thủy sản khai thác (bản chính hoặc bản sao);

b) Giấy xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu (theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này) hoặc mẫu Giấy xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ thủy sản khai thác xuất khẩu khác theo yêu cầu của Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu.

3. Không xác nhận nếu chủ hàng không đáp ứng quy định của nước nhập khẩu về cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu. Trường hợp không xác nhận Cơ quan thẩm quyền phải có văn bản trả lời chủ hàng nêu rõ lý do.